

Bản án số: 33/2020/HS-ST
Ngày 25/9/2020

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Trung Hiếu.
2. Ông DA Đảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Quốc C, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thanh N, sinh ngày: 06/9/2002, tại: huyện K, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ 15B, khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình Đ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn ThA S và bà Nguyễn Thu Trang; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2020, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2/ Lâm Huỳnh L (Tên gọi khác: Cu Tỳ), sinh ngày: 22/10/1996, tại: huyện K, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ 2, khu phố Lò Bom, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình Đ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Bé Tý và bà Nguyễn Thị Ngọc Bích; bị cáo có vợ tên Hứa Kim A; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2020, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3/ Dương Trần Đức A (Tên gọi khác: Tèo), sinh ngày: 16/4/2002, tại: huyện K, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ 24, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình Đ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Tấn Đựng (đã chết) và bà Trần Huệ E; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Ngày

20/4/2020 bị cáo bỏ trốn và bị truy nã đến ngày 28/6/2020 bị bắt tạm giữ, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

4/ Trần Chí H, sinh ngày: 11/11/2000, tại: huyện K, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ 9, ấp Cống Tre, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình Đ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đ Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Phan Thị Cẩm Thúy; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 14/5/2020, bị Công an thị trấn K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/7/2020, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh N*: Ông Bùi Đức Đ, sinh năm: 1965. Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

- *Bị hại*:

1/ Ông Trần Văn T, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: ấp Lung Lớn, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang. có mặt.

2/ Bà Dương Thị M, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Tổ 14, ấp Cống Tre, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang. có mặt.

3/ Ông L Minh Đ, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

4/ Ông Phan Thành T, sinh năm: 1979. Nơi cư trú: ấp Cống Tre, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang. có mặt.

5/ Ông Danh Phước N, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Tổ 14, ấp Cống Tre, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang. có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1961. Nơi cư trú: khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. có mặt.

2/ Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: ấp Cống Tre, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang. có mặt.

3/ A Nguyễn H C, sinh năm: 2002. Nơi cư trú: khu phố Cư Xá Mới, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. có mặt.

4/ Ông Đinh Văn K, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: khu phố Lò Bom, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

5/ Ông Trương Phi H, sinh năm: 1958. Nơi cư trú: khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

6/ Ông Phan Ngọc L, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: ấp Hòn Chông, xã Bình An, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

7/ Bà Trần Huệ E, sinh năm: 1981. Nơi ĐKKHKT: Tổ 24, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp Lung Lớn, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 10/01/2020, Dương Trần Đức A rủ Nguyễn Thanh N đi tìm tài sản để trộm cắp. N đồng ý nên cả 02 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 68S2-9913 (Xe của ông Nguyễn Thanh S cha ruột của N) đi trên tuyến Quốc lộ 80 để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 11/01/2020, N và A đến khu vực thuộc tổ 6, ấp Lung Lớn, xã Kiên Bình, huyện K phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 68K1-090.53, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu S đỏ bạc của ông Trần Văn T đang đậu trước nhà ông Quách Văn Minh không người trông giữ, nên cả 02 đi đến lấy trộm xe. Sau khi lấy trộm được xe, cả 02 đẩy xe về nhà dùng chìa khóa mở ổ khóa nổ máy điều khiển xe qua Campuchia bán được 8.000.000 đồng, A giữ lại 6.000.000 đồng và chia cho N 2.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 13/4/2020, N tiếp tục đi trộm cắp xe mô tô với Lâm Huỳnh L thì bị công an thị trấn K, huyện K phát hiện bắt giữ. Tại cơ quan công an, N đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 11/01/2020 cùng với Dương Trần Đức A. Theo kết quả định giá tài sản, xe mô tô biển kiểm soát 68K1-090.53 có giá trị là 10.666.000 đồng.

Vào khoảng 09 giờ ngày 13/4/2020, Nguyễn Thanh N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68K1-211.03 (Xe của Nguyễn H C bạn của N) chở Lâm Huỳnh L tìm tài sản trộm cắp. N điều khiển xe đi trên tuyến lộ nông thôn hướng Lung Kha Na đi Rạch Đùng. Khi đến khu vực thuộc tổ 14, ấp Cống Tre, xã Kiên Bình, huyện K, L phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 68K1-072.66 của bà Dương Thị M và ông DA Phước N đang đậu trước nhà, chìa khóa gắn sẵn trên xe, không người trông giữ. Cả 02 đến lấy trộm xe, L điều khiển xe đến xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tiêu thụ, khi đến ấp Tân Điền, xã Hòa Điền, huyện K do xe biển kiểm soát 68K1-072.66 bị hư hỏng nên cả 02 gửi lại nhà người bạn tên Bá Phương (Chưa xác định được nhân thân, lai lịch), sau đó N chở L về nhà trọ của L ở khu phố Cư Xá, thị trấn K. Đến ngày 14/4/2020, N và L đến nhà Bá Phương lấy xe điều khiển đến thành phố Hà Tiên bán cho một người đàn ông (Chưa xác định được nhân thân, lai lịch) tại bến xe Hà Tiên được số tiền 3.500.000 đồng, L lấy tiêu xài cá nhân hết. Theo kết quả định giá tài sản, xe mô tô biển kiểm soát 68K1-072.66 có giá trị là 17.000.000 đồng.

Vào khoảng 21 giờ ngày 17/4/2020, Trần Chí H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68K1-213.29 (Xe của ông Trần Văn Q cha ruột của Trần Chí H) đến nhà Lâm Huỳnh L chơi. Tại đây H rủ L đi tìm tài sản để trộm cắp thì được L đồng ý. H chở L đến nhà ông Phan Thành T thuộc tổ 9, ấp Cống Tre, xã Kiên Bình, huyện K. H kêu L ở ngoài canh đường canh giới, còn mình đột nhập vào nhà ông T lấy trộm 02 cái máy mài cầm tay và 01 cái máy Motor đem về cất giấu tại chùa Ông Bảy thuộc khu phố Cư Xá, thị trấn K. Đến 09 giờ ngày 18/4/2020, H đem bán 02 cái máy mài trộm cắp được cho người đàn ông không rõ họ tên được số tiền 400.000 đồng, H đưa cho L 300.000 đồng. Đến ngày 20/4/2020, L và H mang cái máy Motor vào xã Bình An để tìm chỗ bán, trên đường đi thì L bị công an mời làm việc, còn H chạy thoát và đem cái máy Motor bán cho ông Phan Ngọc L được 1.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Theo kết quả định giá, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.416.000 đồng.

Vào khoảng 03 giờ sáng ngày 18/4/2020, Lâm Huỳnh L với Nguyễn Thanh N đi trên xe mô tô loại Wave màu xanh, không rõ biển kiểm soát để tìm tài sản trộm

cấp. Khi đến nhà ông L Minh Đ thuộc tổ 14, khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K thấy không có người trông giữ nên L và N đã leo rào đột nhập vào nhà ông Đ, lấy trộm 01 cái máy tính xách tay hiệu HP, 01 nhẫn vàng 18K, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Seiko, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Citizen, tiền Việt Nam 1.320.000 đồng và 35 USD. Sau khi trộm cắp tài sản xong L và N đem về phòng trọ của L để cất giấu. Sau đó, L mang toàn bộ số tiền Việt Nam, số tiền ngoại tệ 25 USD và số tiền 300.000 đồng do cầm chiếc đồng hồ hiệu Citizen cho ông Đinh Văn K mà có để tiêu xài hết. L chia cho N 10 USD và N mang tài sản trộm cắp là chiếc nhẫn vàng 18K đem cầm cho ông Trương Phi H với số tiền 1.300.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Sau đó Công an thị trấn K kiểm tra hành chính phòng trọ của L thì phát hiện số tài sản trộm cắp còn lại. Theo kết quả định giá, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.135.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/BKL-HĐĐGTS, ngày 17/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, kết luận: 01 (Một) xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 68K1-090.53, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu S đỏ bạc, đã qua sử dụng có giá trị là 10.666.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/BKL-HĐĐGTS, ngày 30/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, kết luận: 01 (Một) chiếc nhẫn vàng 18K, có giá trị là 1.853.000 đồng; 01 (Một) đồng hồ đeo tay hiệu Seiko, đã qua sử dụng có giá trị là 366.000 đồng; 01 (Một) đồng hồ đeo tay hiệu Citizen, đã qua sử dụng có giá trị là 533.000 đồng; 01 (Một) cái máy Laptop hiệu HP, đã qua sử dụng có giá trị là 2.250.000 đồng; 01 (Một) cái máy Motor ký hiệu Gear, 1500/1800 (50/60HZ), đã qua sử dụng có giá trị là 1.400.000 đồng; 01 (Một) xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 68K1-072.66, nhãn hiệu Honda, đã qua sử dụng có giá trị là 17.000.000 đồng; 01 (Một) cái máy mài không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng có giá trị là 483.000 đồng; 01 (Một) cái máy mài không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng có giá trị là 533.000 đồng; 35 (Ba mươi lăm) USD có giá trị là 813.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 25.231.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 (Một) chiếc nhẫn vàng 18K; 01 (Một) đồng hồ đeo tay hiệu Seiko, đã qua sử dụng; 01 (Một) đồng hồ đeo tay hiệu Citizen, đã qua sử dụng; 01 (Một) cái máy Laptop hiệu HP, đã qua sử dụng; 01 (Một) cái máy Motor ký hiệu Gear, 1500/1800 (50/60HZ), đã qua sử dụng;

Vật chứng không thu giữ được: 01 (Một) xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 68K1-090.53, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu S đỏ bạc, đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 68K1-072.66, nhãn hiệu Honda, đã qua sử dụng; 02 (Hai) cái máy mài không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng; tiền ngoại tệ 35 (Ba mươi lăm) USD.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKSKL, ngày 14/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh N, Lâm Huỳnh L, Dương Trần Đức A, Trần Chí H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo Nguyễn Thanh N, Lâm Huỳnh L phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Chí H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Dương Trần Đức A tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo N, L, A, H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo được những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất và mức độ của hành vi mà bị cáo gây ra; căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh N, Lâm Huỳnh L, Dương Trần Đức A, Trần Chí H phạm tội trộm cắp tài sản.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 101, Điều 98, Điều 91, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Thanh N, xử phạt bị cáo N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Lâm Huỳnh L, xử phạt bị cáo L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Trần Chí H, xử phạt bị cáo H từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 101, Điều 98, Điều 91, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Dương Trần Đức A, xử phạt bị cáo A từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Đối với người tên Bá Phương là người cho N và L gửi xe trộm cắp, đối tượng mua xe của L tại bến xe Hà Tiên. Qua quá trình điều tra Công an huyện K đã thẩm tra, xác minh nhưng không xác định được các đối tượng trên nên không có cơ sở làm việc, xử lý.

Đối với Đinh Văn K, Trương Phi H, Phan Ngọc L đã có hành vi cầm cố và mua tài sản trộm cắp của các bị cáo, xét thấy các đối tượng không biết rõ tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, đồng thời đã giao nộp tang vật cho cơ quan công an nên không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, Bị hại Dương Thị M, Danh Phước N yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền theo giá trị định giá là 8.500.000 đồng và bị cáo L bồi thường số tiền là 8.500.000 đồng, gia đình bị cáo N đã bồi thường 1.000.000 đồng nên yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền còn lại là 7.500.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo. Bị hại Phan Thành T không yêu cầu bị cáo H và bị cáo L bồi thường, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo. Bị hại L Minh Đ không yêu cầu bị cáo N và bị cáo L bồi thường. Bị hại Trần Văn T yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền còn lại là 2.666.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N và A. Bị cáo A đã tác Động gia đình bồi thường cho ông T số tiền 8.000.000 đồng, đây là số tiền bà Trần Huệ E đứng ra bồi thay con ruột là bị cáo A và bà E không yêu cầu bị cáo PH trả lại nên không xem xét. Bị cáo H đã giao nộp số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng.

Ông Trương Phi H yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 1.300.000 đồng. Ông Đinh Văn K không yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền 300.000 đồng. Ông Phan Ngọc L không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 1.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đã giao trả cho ông L Minh Đ 01 (Một) chiếc nhẫn vàng 18K; 01 (Một) đồng hồ đeo tay hiệu Seiko, đã qua sử dụng; 01 (Một) đồng hồ đeo tay hiệu Citizen, đã qua sử dụng; 01 (Một) cái máy Laptop hiệu HP, đã qua sử dụng. Đã giao trả cho ông Phan Thành T 01 (Một) cái máy Motor ký hiệu Gear, 1500/1800 (50/60HZ), đã qua sử dụng.

Đối với các xe mô tô biển kiểm soát 68K1-213.29, 68K1-211.03, 68S2-9913 các bị cáo dùng làm phương tiện để trộm cắp tài sản, xét thấy tài sản là của các ông Nguyễn Thanh S, Trần Văn Q, Nguyễn H C. Quá trình điều tra xác định các chủ sở hữu không biết các bị cáo dùng xe của mình đi trộm cắp tài sản nên không xử lý. Các tài sản này đã được trả lại cho chủ sở hữu.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Ông Bùi Đức Đ người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh N phát biểu quan điểm và thống nhất với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng N tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 91 Bộ luật Hình sự và căn nhắc áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì bản thân gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn nên mức bồi thường 1.000.000 đồng cho người bị hại cũng là tình tiết khắc phục một phần thiệt hại được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với mức án Viện kiểm sát đề nghị là hơi nghiêm khắc, nên căn nhắc xE xét cho bị cáo hưởng mức án bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát: Do bị cáo phải bồi thường số tiền 8.500.000 đồng nên việc bị cáo chỉ mới khắc phục được số tiền 1.000.000 đồng là không đủ để xem là khắc phục một phần thiệt hại do không đảm bảo mức bồi thường từ 50% thiệt hại trở lên nên đề nghị không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, do bị cáo N phạm tội trộm cắp đến 03 lần và điều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp, ngoài ra bị cáo còn trộm rất nhiều lần nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội trộm nên chưa xem xét. Trong các lần phạm tội, bị cáo là người chủ Đng rủ rê, lôi kéo người khác trộm cắp, do bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi khi phạm tội nên Viện kiểm sát cũng đã căn nhắc đề nghị áp dụng mức hình phạt bằng ba phần tư đối với người thành niên phạm tội.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 11/01/2020, Nguyễn ThA N cùng với Dương Trần Đức A đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 68K1-090.53, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu S đỏ bạc của ông Trần Văn T, qua định giá có giá trị là 10.666.000 đồng. Ngày 13/4/2020, Nguyễn ThA N cùng với Lâm Huỳnh L đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 68K1-072.66 của ông DA Phước N và bà Dương Thị M, qua định giá có giá trị là 17.000.000 đồng. Ngày 17/4/2020, Trần Chí H cùng với Lâm Huỳnh L đã có hành vi trộm cắp 01 cái máy Motor và 02 cái máy mài của ông Phan Thành T, qua định giá có giá trị là 2.416.000 đồng. Ngày 18/4/2020, Nguyễn ThA N cùng với Lâm Huỳnh L đã có hành vi trộm cắp 01 cái máy tính xách tay hiệu HP, 01 nhẫn vàng 18K, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Seiko, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Citizen, tiền Việt Nam 1.320.000 đồng và số ngoại tệ 35 USD của ông L Minh Đ, qua định giá có giá trị là 7.135.000 đồng.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo N, A, H, L đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với hành vi tiêu thụ tài sản trộm cắp của các đối tượng Đinh Văn K, Trương Phi H, Phan Ngọc L, xét thấy các đối tượng không biết tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý.

[4] Về tính chất mức Đ phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, các bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm nhưng với bản chất lười lao Đng muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức Đ, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân: Đối với Lâm Huỳnh L có 01 tiền án nhưng đã được xóa án tích: Ngày 09/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 02 năm tù về tội giao cấu với trẻ E; tiền sự: Ngày 31/7/2019, bị Chủ tịch UBND thị trấn K ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời

hạn 03 tháng, đã chấp hành xong. Đối với Trần Chí H có 01 tiền sự: Ngày 14/5/2020, bị Công an thị trấn K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với Nguyễn ThA N và Dương Trần Đức A có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn ThA N, Lâm Huỳnh L phạm tội 02 lần trở Ln nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Chí H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Dương Trần Đức A tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo N, L, A, H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo N, A tại thời điểm phạm tội các bị cáo là người chưa thành niên nên áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

[7] Về vật chứng trong vụ án: Ghi nhận việc cơ quan Công an đã trao trả cho ông L Minh Đ 01 chiếc nhẫn vàng 18k, 01 đồng hồ hiệu seiko, 01 đồng hồ hiệu citizen, 01 cái Laptop hiệu HP. Trao trả cho ông Phan Thành T 01 cái máy Motor ký hiệu Gear, 1500/1800 (50/60HZ). Trao trả các xe mô tô cho ông Trần Văn Q, ông Nguyễn ThA S, ông Nguyễn H C.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo N pH bồi thường cho ông T số tiền 2.666.000 đồng. Do bị cáo A đã tác Đng gia đình tự nguyện bồi thường cho ông T số tiền 8.000.000 đồng nên ông T không yêu cầu A bồi thường thêm. Bị cáo L và N thống nhất mỗi bị cáo bồi thường số tiền 8.5000.000 đồng và được ông N và bà M đồng ý, N đã tác Đng gia đình bồi thường 1.000.000 đồng nên pH bồi thường số tiền còn lại là 7.500.000 đồng. Ông Phan Thành T và ông L Minh Đ không yêu cầu các bị cáo pH bồi thường nên miễn xét.

Buộc bị cáo N trả lại số tiền 1.300.000 đồng cho ông Trương Phi H. Do ông Đinh Văn K và ông Phan Ngọc L không yêu cầu các bị cáo pH trả lại tiền nên miễn xét. Bị cáo H đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng nên tịch thu sung công.

[9] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội dA, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa, ông Bùi Đức Đ người bào chữa cho bị cáo N đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự cho bị cáo N hưởng mức hình phạt bằng với thời hạn tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của bị cáo N là nhiều lần phạm tội, là người chủ Đng rủ rê lôi kéo người khác phạm tội nên cần có một mức án nghiêm và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo và răn đe người khác. Số tiền bị cáo khắc phục hậu quả là chưa tương xứng để được xE là tình tiết khắc phục một phần hậu quả quy tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo pH chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh N, Lâm Huỳnh L, Dương Trần Đức A, Trần Chí H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 101, Điều 98, Điều 91, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 01 (Một) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/4/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Huỳnh L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/4/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Chí H 09 (Chín) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/7/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 101, Điều 98, Điều 91, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Trần Đức A 09 (Chín) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2020.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K, tỉnh Kiên Giang đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N phải bồi thường cho ông Trần Văn T số tiền 2.666.000 đồng. Buộc bị cáo N trả cho ông Trương Phi H số tiền 1.300.000 đồng. Buộc bị cáo N phải bồi thường cho ông Danh Phước N và bà Dương Thị M số tiền 7.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Lâm Huỳnh L phải bồi thường cho ông Danh Phước N và bà Dương Thị M số tiền 8.500.000 đồng.

Do ông Đinh Văn K, ông Phan Ngọc L, ông L Minh Đ, ông Phan Thành T không có yêu cầu nên miễn xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên pH thi hành chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

Tịch thu, sung công đối với số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng mà bị cáo H đã nộp ngày 03/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo lai thu số 00722.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo N, L, H, A, mỗi bị cáo phải chịu số tiền án phí là 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo N phải chịu số tiền án phí là 573.300 đồng. Buộc bị cáo L phải chịu số tiền án phí là 425.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đối với những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Công an H. K;
- VKSND H. K;
- Chi cục THADS H. K;
- Người TGTT;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho